

Số: 12-KH/THPT GCA

Tân Hội, ngày 26 tháng 2 năm 2023

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số của Trường THPT Green City Academy giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

Căn cứ vào Công văn số 434/KH-SGDĐT ngày 22 tháng 2 năm 2023 của Sở GD&ĐT Hà Nội về việc Triển khai chương trình chuyển đổi số của Ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường, Trường THPT Green City Academy xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số của trường THPT Green City Academy giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 cụ thể như sau:

I. TẦM NHÌN, MỤC TIÊU VÀ NGUYÊN TẮC

1. Tầm nhìn

Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của Ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội, của Trường THPT Green City Academy nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số, tận dụng tốt thời cơ cách mạng công nghệ lần thứ tư.

– Trường THPT Green City Academy xác định, chuyển đổi số góp phần giúp Giáo dục Thành phố Hà Nội sẽ có những thay đổi cốt lõi sau:

- + Thay đổi cách thức quản lý, chỉ đạo điều hành, hướng đến cách thức quản lý công việc trên nền tảng công nghệ số.
- + Tác động trực tiếp đến đối tượng và các dịch vụ cung cấp của Ngành; qua đó, thay đổi cách tiếp cận các dịch vụ giáo dục truyền thống sang các dịch vụ giáo dục số mà nền tảng là dữ liệu số.
- + Thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trên nền tảng dữ liệu số; thúc đẩy đầu tư vào số hóa dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT & TT) một cách mạnh mẽ.
- + Phát triển dựa trên nền tảng dữ liệu và cách thức làm việc với ứng dụng CNTT & TT gắn liền với khả năng sử dụng, kết nối, trao đổi, chia sẻ dữ liệu.

+ Đa dạng các hình thức, giải pháp tiếp nhận nhu cầu “Học mọi lúc – mọi nơi” của người học, góp phần xây dựng hệ thống giáo dục bảo đảm mọi công dân được học tập, hướng đến xây dựng xã hội học tập.

2. Mục tiêu chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục

2.1. Mục tiêu chung

– Nâng cao và thống nhất nhận thức trong cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và phụ huynh về các nội dung của chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục, nhất là vai trò, ý nghĩa, các nhiệm vụ trọng tâm của chuyển đổi số, làm cơ sở để huy động sức mạnh tổng thể, giúp quá trình triển khai được thuận lợi, đồng bộ.

– Chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục kế thừa và phát triển ứng dụng CNTT & TT trên nền tảng công nghệ số, công nghệ thông minh, góp phần xây dựng Trường THPT Green City Academy, Ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố hiện đại, chất lượng, hiệu quả và hội nhập; hỗ trợ người dân dễ dàng tiếp cận giáo dục và được học tập, nâng cao trình độ liên tục, suốt đời; góp phần nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực cho Thành phố theo định hướng kinh tế số.

2.2. Mục tiêu cụ thể

– Thực hiện triển khai hệ thống thông tin quản lý Giáo dục Thành phố, bao gồm: cơ sở dữ liệu kết nối, liên thông hệ thống thông tin các trường trong Thành phố và sử dụng công cụ phân tích dữ liệu để quản lý hoạt động giáo dục Thành phố. Đến năm 2025, Trường THPT Green City Academy ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong quản lý, quản trị (từ quản lý học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý đến quá trình học tập, thời khóa biểu, cơ sở vật chất, thu học phí không dùng tiền mặt,...) đồng bộ với hệ thống dữ liệu của Ngành.

– Đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin cho Trường THPT Green City Academy nói riêng và Giáo dục Thành phố nói chung theo hướng hiện đại, thiết thực và hiệu quả. Đến năm 2025 trường khai thác hiệu quả các ứng dụng trực tuyến trên môi trường internet; 100 % học sinh của trường được tiếp cận internet và kho học liệu trực tuyến; hoàn thành việc xây dựng cổng thư viện số (giáo trình, bài giảng, học liệu số) và hệ thống dạy — học trực tuyến.

– Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và các nền tảng số để đổi mới nội dung, phương pháp dạy – học (bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, giúp kết hợp học trên lớp và học trực tuyến), kiểm tra – đánh giá. Đến năm 2025, trang thông tin điện tử của trường cung cấp đầy đủ thông tin (cơ sở vật chất, chương trình học, đội ngũ,...) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

– Tập trung chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục, hoàn thiện hệ thống văn phòng điện tử, cổng dịch vụ công và một cửa điện tử, thực hiện các thủ tục

hành chính trực tuyến mức độ 3, 4; xây dựng nền quản lý giáo dục thông minh góp phần nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính.

3. Các nguyên tắc định hướng trong việc chuyển đổi số giáo dục

3.1. Nguyên tắc chung

- Phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển chính quyền điện tử, chính phủ số và các định hướng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của Thành phố và của Sở Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Chú trọng ứng dụng các thành quả khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo (AI), các hệ thống IoT và các công nghệ giáo dục thông minh,... góp phần đổi mới, nâng cao hiệu quả trong quản lý nhà nước về giáo dục, nâng cao chất lượng dạy – học, tạo điều kiện tốt nhất để người dân học tập mọi lúc, mọi nơi.
- Góp phần xây dựng hệ thống Giáo dục và Đào tạo Thành phố hiện đại nhằm cùng Thành phố thực hiện thành công Chương trình chuyển đổi số Thành phố Hà Nội.

3.2. Nguyên tắc về công nghệ

- Phù hợp với Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên theo kế hoạch số 4725/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định, hướng dẫn của Sở, Bộ; phù hợp tổng thể về Công nghệ thông tin của Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hà Nội.
- Tận dụng tối đa các công nghệ hiện đại trên nguyên tắc bảo đảm tính trung lập về kỹ thuật công nghệ, ưu tiên áp dụng các tiêu chuẩn mở, công nghệ mở, mã nguồn mở.
- Công nghệ đảm bảo tính linh hoạt và thích ứng cao; đảm bảo về mặt tư duy tổng thể, triển khai linh hoạt. Triển khai từng giai đoạn để đảm bảo giáo viên trong đơn vị, phụ huynh và học sinh thích ứng với thay đổi.
- Có các giải pháp bảo mật, an toàn thông tin đầy đủ cho các thành phần trong mô hình giáo dục thông minh, chuyển đổi số trong giáo dục theo lộ trình phù hợp.

3.3. Nguyên tắc về dữ liệu

- Dữ liệu là nền tảng quyết định trong quá trình chuyển đổi số, xây dựng giáo dục thông minh. Dữ liệu cần được kế thừa, phát triển và lưu trữ lâu dài, là tài nguyên cốt lõi để triển khai chuyển đổi số. Ứng dụng các công nghệ tiên tiến để quản lý cơ sở dữ liệu.
- Dữ liệu hình thành trong hoạt động của Ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố là tài sản của Ngành và của Thành phố; được quản lý bởi Ngành Giáo dục và Đào tạo, được chia sẻ dùng chung nhằm phục vụ các hoạt động của Ngành cũng như

của cơ quan nhà nước hướng đến việc phục vụ cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh, học sinh, người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

– Dữ liệu Trường THPT Green City Academy, Ngành Giáo dục và Đào tạo tuân thủ các tiêu chuẩn mở, đảm bảo tính đồng bộ vận hành, tránh đầu tư trùng lắp. Tất cả các dự án mới phải nghiên cứu khả năng chia sẻ và mở rộng trên nền tảng hạ tầng, cơ sở dữ liệu, ứng dụng hiện hữu.

– Đảm bảo tính linh hoạt và thích ứng cao: tuân thủ phương châm tư duy tổng thể, triển khai linh hoạt. Triển khai theo từng giai đoạn để đảm bảo cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh, học sinh, người dân, doanh nghiệp và chính quyền có thời gian thích ứng thay đổi.

3.4. Huy động mọi nguồn lực

– Chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục cần huy động mọi nguồn lực trong đó nguồn lực từ Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố là then chốt, là quyết định và nguồn lực xã hội hóa là động lực.

– Luôn tạo cơ hội để khuyến khích hợp tác sáng tạo; đồng thời xây dựng cơ chế chính sách và hành lang pháp lý để triển khai các mô hình cộng tác để cùng phát triển, ứng dụng chuyển đổi số giáo dục.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ

1.1. Chuyển đổi nhận thức

– Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh và học sinh về vai trò và lợi ích của chuyển đổi số, của CNTT & TT trong lĩnh vực giáo dục.

– Tăng cường sự tham gia của phụ huynh, học sinh cùng góp ý, giám sát và sử dụng các dịch vụ, tiện ích do chuyển đổi số mang lại. Triển khai các kênh hỗ trợ trực tiếp, trực tuyến (website, mạng xã hội) để hỗ trợ giáo viên, phụ huynh, học sinh sử dụng các dịch vụ giáo dục trực tuyến.

– Thúc đẩy việc nghiên cứu, sáng tạo và thử nghiệm các công nghệ số trong giáo dục, tổ chức kết nối, tập hợp, thúc đẩy phát triển CNTT giáo dục tại thành phố trong việc phát triển các sản phẩm ứng dụng nền tảng giáo dục số “made in Việt Nam”.

– Xây dựng quy trình về đảm bảo an toàn thông tin, đảm bảo an ninh mạng trong phạm vi toàn trường. Biểu dương, khen thưởng các cá nhân có thành tích tiêu biểu trong chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục.

1.2. Xây dựng các văn bản hướng dẫn, điều hành

- Xây dựng các quy định về quản lý, thu thập dữ liệu giáo dục; các quy chuẩn, quy định về kết nối, liên thông dữ liệu trong Ngành Giáo dục Thành phố.
- Hướng dẫn về ứng dụng CNTT & TT trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo. Hướng dẫn, quy định về xác thực điện tử trong Ngành Giáo dục và Đào tạo

1.3. Phát triển cơ sở dữ liệu giáo dục

- Phát triển, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành trên nguyên tắc cơ sở dữ liệu được tập trung được lưu trữ một cách có hệ thống và lâu dài. Cơ sở dữ liệu giáo dục do Phòng Giáo dục và Đào tạo quản lý, vận hành và khai thác.
- Ứng dụng các công nghệ dữ liệu lớn (Big Data) trong việc xây dựng, lưu trữ dữ liệu chuyên ngành và là nền tảng để triển khai các ứng dụng trực tuyến.
- Phát triển nền tảng tích hợp cơ sở dữ liệu về Giáo dục và Đào tạo, kết nối giữa các cơ sở dữ liệu giáo dục và các hệ thống giáo dục chuyên ngành khác.
- Xây dựng và phát triển nền tảng dữ liệu mở về giáo dục, thu thập dữ liệu kết hợp với dữ liệu chia sẻ từ các cơ sở dữ liệu khác hướng tới hình thành hệ sinh thái dữ liệu mở trong Ngành Giáo dục và Đào tạo và mạng thông tin giáo dục quốc gia cũng như hệ sinh thái dữ liệu số Thành phố Hà Nội.

1.4. Xây dựng nền tảng số

Xây dựng, triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố gồm các thành phần chính như:

- Hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục.
- Kết nối thanh toán điện tử.
- Cung cấp thông tin tình trạng giải quyết hồ sơ hành chính.
- Tích hợp, cung cấp dữ liệu giáo dục.
- Liên thông các hệ thống thông tin.
- Triển khai hệ thống chữ ký số, chữ kí điện tử trong toàn ngành. Phát triển các nền tảng ứng dụng di động trong việc cung cấp các dịch vụ giáo dục, hướng tới mạng xã hội dịch vụ giáo dục.
- Hoàn thành cơ sở dữ liệu giáo dục, ứng dụng các công nghệ thông minh để phân tích số liệu về hoạt động giáo dục kịp thời, chính xác, giúp báo cáo, dự báo chính xác từ đó tham mưu xây dựng các chính sách giáo dục phù hợp.
- Cung cấp công cụ, phương tiện cho phép cá nhân có thể đánh giá, chấm điểm hoặc đóng góp ý kiến đối với nền tảng số của ngành.

1.5. Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin

- Phối hợp với Sở TTTT triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn an ninh các Hệ thống thông tin của ngành.
- Các đơn vị, cơ sở giáo dục triển khai đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống thông tin của đơn vị theo đúng cấp độ an toàn thông tin của hệ thống thông tin.
- Phát triển, hoàn thiện chữ ký số trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Trường THPT Green City Academy (bao gồm việc xác thực trên thiết bị di động). Tiến tới phát triển, hoàn thiện hệ thống xác thực chữ ký số tại các đơn vị.

1.6. Phát triển nguồn nhân lực

- Tham gia các lớp đào tạo cán bộ chuyển đổi số về các công nghệ số áp dụng trong giáo dục và đào tạo gồm các tiêu chuẩn CNTT giáo dục, các công nghệ số về dữ liệu lớn, di động,... làm nòng cốt trong chuyển đổi số giáo dục. Bảo đảm nguồn nhân lực phục vụ vận hành, khai thác dữ liệu trong việc vận hành và triển khai các ứng dụng CNTT trong giáo dục.
- Nâng cao năng lực ứng dụng CNTT & TT cho giáo viên và cán bộ quản lý qua các khóa đào tạo, tập huấn thường xuyên.

2. Giải pháp

2.1. Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong các hoạt động điều hành và quản lý giáo dục

2.1.1. Triển khai nền tảng quản trị nhà trường tích hợp không gian làm việc số, tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và hướng đến học sinh.

2.1.2. Sử dụng có hiệu quả phần mềm quản lý trong nhà trường và triển khai ứng dụng hồ sơ điện tử: phiếu báo giảng, sổ điểm, học bạ, sổ liên lạc, sổ đăng bộ; thanh toán không dùng tiền mặt; triển khai ứng dụng kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa phụ huynh với nhà trường trên nền tảng số, khuyến khích áp dụng các giải pháp miễn phí như tin nhắn OTT, email, ứng dụng trên thiết bị di động và website của nhà trường.

2.1.3. Tiếp tục triển khai có hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục (tại địa chỉ <http://csdl.moet.gov.vn>, <https://csdl.hanoi.edu.vn/>, <https://dgcbbccvc.hanoi.gov.vn/>, <https://temis.csdl.edu.vn/temis>, ...) theo các hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT; đảm bảo tất cả các báo cáo dữ liệu đầy đủ chính xác và đúng thời hạn.

2.1.4. Đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến trong giáo dục, ưu tiên triển khai dịch vụ công trực tuyến về xét tuyển học sinh đầu cấp mức độ 3, mức độ 4.

2.1.5. Vận hành hiệu quả Hệ chương trình quản lý văn bản và hồ sơ công việc liên thông giữa Sở với nhà trường thông qua web: <https://csdl.hanoi.edu.vn/>.

2.1.6. Tăng cường ứng dụng phương thức họp trực tuyến để tổ chức họp, hội nghị, hội thảo, dự giờ và tổ chức sinh hoạt chuyên môn.

2.1.7. Triển khai có hiệu quả cổng thông tin điện tử, thư điện tử giáo dục tại các địa công thông tin điện tử của Bộ và Sở GD&ĐT: <https://moet.gov.vn>, <https://thituyensinh.vn>, <https://csdl.hanoi.edu.vn/>, gmail <https://gca3.edu.vn/trang-chu.html>

2.1.8. Triển khai ứng dụng An toàn COVID-19 (antoanacovid.vn) tới 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh ngay từ đầu năm học, giúp công khai thông tin và chuẩn bị tốt điều kiện đảm bảo an toàn dịch bệnh trong nhà trường.

2.1.9. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý, chỉ đạo và tổ chức thi các Kỳ thi; thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo để đảm bảo kết nối thông tin thông suốt, chính xác, kịp thời phục vụ công tác chỉ đạo và tổ chức thi; hỗ trợ hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục.

2.1.10. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT tập huấn giáo viên qua Internet; báo cáo kịp thời kết quả tập huấn giáo viên về Hệ thống thông tin quản lý quá trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên (TEMIS); thực hiện tốt đánh giá Chuẩn nghề nghiệp CBQL, giáo viên qua hệ thống TEMIS theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

2.2. Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy, học và kiểm tra đánh giá

2.2.1. Tăng cường áp dụng hình thức dạy học trực tuyến phù hợp với điều kiện, nhu cầu của nhà trường, đóng góp hoàn thành kế hoạch năm học trong điều kiện dịch COVID-19 còn phức tạp, cụ thể:

- Tiếp tục sử dụng **Google Meet** để lập các lớp học trực tuyến cố định.
- Tập huấn cho giáo viên, cán bộ lớp kỹ năng quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến; phối hợp phụ huynh triển khai các hoạt động giáo dục trực tuyến đảm bảo tổ chức dạy, học trực tuyến an toàn và hiệu quả trên môi trường mạng.
- Tận dụng tối đa nền tảng trực tuyến **Labhok** triển khai có hiệu quả các hoạt động như: hướng dẫn học sinh tự học, giao nhiệm vụ về nhà cho học sinh, kiểm tra đánh giá.
- Tăng cường nguồn học liệu số đảm bảo chất lượng hỗ trợ kịp thời cho giáo viên, học sinh, phụ huynh triển khai các hoạt động dạy học trực tuyến; khuyến khích giáo viên tham gia Cuộc thi Thiết kế bài giảng điện tử của ngành Giáo dục; huy động giáo viên tham gia đóng góp nguồn học liệu để chia sẻ dùng chung; phát huy vai trò của tổ chuyên môn trong đánh giá, lựa chọn học liệu số trước khi đưa vào

sử dụng trong nhà trường; hướng dẫn giáo viên tham khảo các nguồn tài nguyên giới thiệu từ website Bộ, chuyên mục “Hỗ trợ dạy học trực tuyến”.

2.2.2. Rà soát, phát triển hệ thống thư viện điện tử (bao gồm phần mềm quản trị thư viện và cơ sở dữ liệu hóa sách và tài liệu phục vụ dạy học), kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài liệu số hóa giữa các cơ sở giáo dục.

2.2.3. Thí điểm triển khai các mô hình dạy – học tiên tiến trên nền tảng số (lớp học thông minh, trường học thông minh) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của nhà trường.

2.3. Triển khai hiệu quả công tác thống kê giáo dục:

Thực hiện báo cáo thống kê giáo dục định kỳ đúng thời hạn, đầy đủ và chính xác theo quy định và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Sở GD&ĐT.

- Bộ phận làm công tác thống kê cần lưu ý: Rà soát kỹ và nhập đầy đủ thông tin liên quan; kiểm tra, đánh giá tính khớp đúng các chỉ tiêu theo mẫu biểu báo cáo thống kê trước khi nộp lên cấp trên.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực số phục vụ chuyển đổi số và làm công tác thống kê

- Tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT và chuyển đổi số cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Nội dung bồi dưỡng gắn với nhu cầu thực tiễn về triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong nhà trường, xem xét triển khai tập huấn phù hợp một số nội dung:

- Kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động dạy học trực tuyến gồm: tổ chức và quản lý lớp học trực tuyến, xây dựng học liệu, khai thác các nguồn học liệu, tìm kiếm thông tin trên Internet; kỹ năng sử dụng các phần mềm trình chiếu, phần mềm soạn bài giảng e- learning, soạn câu hỏi trắc nghiệm trực tuyến, phần mềm mô phỏng, thí nghiệm ảo, phần mềm dạy học, khai thác sử dụng các thiết bị công nghệ để đổi mới nội dung, phương pháp dạy học.

- Kỹ năng về quản lý, triển khai có hiệu quả các phần mềm quản trị trong nhà trường; kỹ năng quản lý, báo cáo và khai thác sử dụng các phân hệ báo cáo trên phần mềm cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục.

- Bồi dưỡng đáp ứng các yêu cầu về năng lực ứng dụng CNTT và chuyển đổi số theo vị trí việc làm của người lao động theo quy định.

2.4. Rà soát, kiện toàn và nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và làm công tác thống kê trong ngành Giáo dục trong nhà trường.

2.5. Đẩy mạnh áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học – công nghệ – kỹ thuật – toán học và nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM); phát triển tư duy lập

trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy để hình thành các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

2.6. Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong nhà trường

- Rà soát và có kế hoạch mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số. dạy môn Tin học, dạy học trực tuyến và làm việc trực tuyến; đảm bảo kết nối cáp quang Internet trong nhà trường.

- Có biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT. Thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin. Đẩy mạnh tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh kỹ năng nhận biết, phòng tránh các nguy cơ mất an toàn thông tin khi sử dụng các phần mềm trực tuyến và thiết bị cá nhân như điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính cá nhân.

- Ưu tiên nguồn lực đầu tư mua sắm thiết bị dạy học trực tuyến phục vụ nhà trường, giáo viên và học sinh; huy động các nguồn lực xã hội ủng hộ, tài trợ thiết bị dạy học trực tuyến cho học sinh và giáo viên. Đảm bảo dung lượng các đường truyền đảm bảo việc thực hiện các ứng dụng trực tuyến trên môi trường internet phải ổn định, đáp ứng yêu cầu truy cập với dung lượng cao trong các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

2.7. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và phụ huynh về vai trò của ứng dụng CNTT trong các hoạt động giáo dục đào tạo và các kết quả ứng dụng CNTT đã đạt được.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số của trường THPT Green City Academy giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030. Phân công các thành viên phụ trách triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số của trường THPT Green City Academy giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 và triển khai tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh và học sinh.
2. Ban giám hiệu chỉ đạo việc thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường đảm bảo chất lượng, hiệu quả theo chỉ đạo của ngành và tạo bước đột phá của nhà trường, thường xuyên đôn đốc, giám sát việc thực hiện kế hoạch chuyển đổi số của các bộ phận trong nhà trường.

3. Công đoàn, Đoàn thanh niên tuyên truyền vận động các thành viên của tổ chức mình tích cực nghiên cứu các văn bản chuyển đổi số, chủ động tham gia vào quá trình chuyển đổi số trong nhà trường.
4. Các tổ chuyên môn, văn phòng thực hiện tốt công tác tuyên truyền tới giáo viên, nhân viên và học sinh về chuyển đổi số, đôn đốc nhắc nhở các thành viên trong tổ mình thực hiện tốt các nhiệm vụ trong kế hoạch chuyển đổi số theo chức trách nhiệm vụ.
5. Đối với cán bộ giáo viên, nhân viên không ngừng nghiên cứu, tự học, tự trao đổi kinh nghiệm để nâng cao trình độ, nhận thức của bản thân trong việc thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc của mình.

Trên đây là kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số của trường THPT Green City Academy giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030. Trường yêu cầu các bộ phận và cá nhân nghiêm túc triển khai, thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề khó khăn, vướng mắc cần báo cáo kịp thời về bộ phận phụ trách.

Nơi nhận

- Sở GD-ĐT (để b/cáo);
- Tổ trưởng CM (để thực hiện);
- HT;
- PHT
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Đỗ Thị Bích Hải

PHỤ LỤC

BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
1.	Chuyển đổi số trong dạy, học	100			
1.1.	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)				Điều kiện bắt buộc
1.2.	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến				Điều kiện bắt buộc
1.3.	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến: – Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp : zoom, office 365,... – Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp,	30	<i>Tối đa 6 điểm</i> <i>Tối đa 24 điểm, mỗi chức năng triển khai</i>	Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: từ 10 -20 điểm Mức độ 3:	https://csdl.hanoi.edu.vn/

	tự xây dựng/thuê/mua). – Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng: (1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học; (2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh; (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên; (4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.		<i>tối đa 6 điểm.</i>	trên 20 điểm	
1.4.	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	10	– <i>Ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm.</i> – <i>Ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm.</i>	Mức độ 1: dưới 4 điểm Mức độ 2: từ 4 – 6 điểm Mức độ 3: trên 7 điểm	https://csdl.hanoi.edu.vn/
1.5.	Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN	20	– <i>Tối đa 15 điểm</i>	Mức độ 1: dưới 8 điểm	

	(cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm)			Mức độ 2: từ 8 – 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	
	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường		– Tối đa 5 điểm		
1.6.	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số: – Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	20	<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 – 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	
	– Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học		<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối		

			đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm		
	– Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử		<30%: tối đa 2 điểm; 30%- 60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 6 điểm		
1.7.	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyên đổi số dạy, học: – Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	20	<20%: tối đa 2 điểm; 20%- 60%: tối đa 5, điểm; >60%: tối đa 8 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 – 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	
	– Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học¹		Mức độ 1: tối đa 2 điểm;		

			Mức độ 2: tối đa 5 điểm; Mức độ 3: tối đa 7 điểm		
	– Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)		Tối đa 5 điểm		
2.	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	100			
2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)				Điều kiện bắt buộc
2.2.	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số				Điều kiện bắt buộc
2.3.	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê): – Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường	70	Tối đa 6 điểm	Mức độ 1: dưới 20 điểm Mức độ 2: từ 20 – 50 điểm Mức độ 3:	https://dgcbbccvc.hanoi.gov.vn/

				trên 50 điểm	
	– Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)		<i>Tối đa 6 điểm</i>		
	– Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử		<i>File PDF: tối đa 3 điểm; Áp dụng chứng thư số: tối đa 10 điểm</i>		
	– Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV		<i>Tối đa 6 điểm</i>		
	– Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất		<i>Tối đa 10 điểm</i>		
	– Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh		<i>Tối đa 10 điểm</i>		
	– Có triển khai phân hệ quản lý kế toán		<i>Tối đa 6 điểm</i>		
	– Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)		<i>Tối đa 6 điểm</i>		

2.4.	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến: – Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web)	30	<i>Tối đa 8 điểm</i>	Mức độ 1: dưới 10 điểm Mức độ 2: từ 10 – 18 điểm Mức độ 3: trên 18 điểm	https://enetviet.com/
	– Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến:		<i>Tối đa 12 điểm</i>		
	– Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt		<i>Tối đa 10 điểm</i>		

Mức độ 1 (chưa đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học có nhiều hơn 3 học sinh phải học chung 1 máy tính; THCS có nhiều hơn 2 học sinh phải học chung 1 máy tính; THPT có nhiều hơn 1 học sinh phải học chung 1 máy tính.

Mức độ 2 (đáp ứng cơ bản yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học có 2 – 3 học sinh phải học chung 1 máy tính; THCS có 2 học sinh phải học chung 1 máy tính; THPT mỗi học sinh được học 1 máy tính.

Mức độ 3 (đáp ứng tốt yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính; THCS đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính; THPT đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính.